

Số: 2480 /CHK-ANHK

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2018

V/v trình dự thảo Đề cương chi tiết  
Thông tư thay thế Thông tư số  
01/2016/TT-BGTVT.

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải (ban hành theo Quyết định số 901/QĐ-BGTVT ngày 03/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải); chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 6678/BGTVT-VT ngày 21/6/2018 về việc xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT; Cục Hàng không Việt Nam (Cục HKVN) kính trình Bộ Giao thông vận tải Đề cương chi tiết Thông tư thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT về chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam (gọi tắt là Thông tư số 01), cụ thể như sau:

## **I. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết**

### **1. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

### **2. Sự cần thiết ban hành**

#### **2.1. Chỉ đạo của Chính phủ**

Trước tình hình diễn biến phức tạp của hoạt động khủng bố nói chung và các cuộc tấn công nhằm vào hàng không dân dụng trên thế giới nói riêng cũng như các hoạt động mạnh mẽ, bạo lực của một số tổ chức khủng bố tại Việt Nam thời gian gần đây; để đáp ứng nhu cầu phát triển, xu hướng xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng hàng không, cổ phần hóa doanh nghiệp hàng không, ngày 07/1/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực bảo đảm An ninh hàng không (ANHK).



Triển khai thực hiện Đề án, về việc tổ chức lực lượng kiểm soát ANHK, tại Thông báo số 439/TB-VPCP ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình chỉ đạo: “thành lập Công ty bảo đảm an ninh hàng không độc lập trực thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP (ACV) để thực hiện công tác bảo đảm ANHK tại các cảng hàng không, sân bay trên cả nước”.

## **2.2. Mô hình tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không ở các cảng hàng không hiện tại**

- Tại các cảng hàng không do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP (ACV) quản lý, khai thác: Lực lượng kiểm soát an ninh trực thuộc người khai thác cảng (là 21 chi nhánh của ACV).

- Tại Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn: Lực lượng kiểm soát ANHK của Cảng HKQT Nội Bài đảm nhiệm.

## **2.3. Một số bất cập cần sửa đổi, bổ sung trong Thông tư số 01**

*2.3.1. Vấn đề xác định lực lượng kiểm soát ANHK và xác định chức năng, nhiệm vụ, quan hệ phối hợp, tiêu chuẩn (tiêu chuẩn của doanh nghiệp và tiêu chuẩn một số chức danh chủ chốt) của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK*

Theo quy định tại Điều 195 – Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, lực lượng kiểm soát ANHK được Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo tổ chức để thực hiện các biện pháp bảo đảm ANHK trong phạm vi trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải. Tuy nhiên hiện nay, Bộ Giao thông vận tải chưa có quy định cụ thể, đầy đủ (tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT đã có nhưng chưa đầy đủ) về việc xác định lực lượng kiểm soát ANHK; chức năng, nhiệm vụ, quan hệ phối hợp, tiêu chuẩn (tiêu chuẩn của doanh nghiệp và tiêu chuẩn một số chức danh chủ chốt) của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK.

Việc bảo đảm yêu cầu thống nhất, độc lập, chuyên nghiệp và hiệu quả của lực lượng kiểm soát ANHK là cần thiết, đặc biệt là trong bối cảnh đang khẩn trương thực hiện tổ chức lại lực lượng kiểm soát ANHK hiện nay. Do vậy, cần bổ sung các quy định:

- Quy định những người nào là nhân viên kiểm soát ANHK và cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của nhân viên kiểm soát ANHK.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quan hệ phối hợp của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK.

- Quy định tiêu chuẩn của đơn vị và tiêu chuẩn một số chức danh chủ chốt của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK.

- Quy định cụ thể các loại dịch vụ do đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK được cung cấp.

- Quy định nguyên tắc mối quan hệ cấp trên, cấp dưới, mối quan hệ phối hợp trong lực lượng kiểm soát ANHK.

*2.3.2. Vấn đề xác định trách nhiệm, quan hệ phối hợp của người khai thác cảng hàng không*

Về vấn đề phân định giữa trách nhiệm duy trì, nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn dịch vụ bảo đảm ANHK tại cảng hàng không của người khai thác cảng hàng không và trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK đủ tiêu chuẩn, có chất lượng của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK là vấn đề mới phát sinh,



cần giải quyết khi tách lực lượng kiểm soát ANHK ra độc lập với người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Mặt khác, theo hướng dẫn tại điểm 10.3 – Doc 8973/10, mỗi cảng hàng không cần thiết nên thiết lập một ủy ban an ninh hàng không của cảng hàng không.

Do vậy:

- Cần thiết lập một ủy ban an ninh hàng không (có thể đồng thời là Ban chỉ huy khẩn nguy ANHK cảng hàng không) của cảng hàng không để xem xét, đánh giá hiệu quả của các biện pháp an ninh phòng ngừa, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tại cảng hàng không trong công tác bảo đảm ANHK và khuyến cáo đối với các biện pháp kiểm soát ANHK đang áp dụng.

- Cần phân định về trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không và đơn vị cung cấp dịch vụ ANHK (lực lượng kiểm soát ANHK) cũng như mối quan hệ của hai chủ thể này và các chủ thể có liên quan khác trong bảo đảm ANHK.

- Cần quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đầu tư mua sắm, quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình, phương tiện, trang thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo đảm ANHK.

- Cần sửa đổi đề cương chương trình ANHK cảng hàng không tại Phụ lục số 01, bổ sung đề cương quy chế ANHK của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK.

### *2.3.3. Vấn đề yêu cầu đối với tiêu chuẩn hạ tầng, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, phương tiện... và cấp phép đối với trang thiết bị bảo đảm ANHK*

Hiện nay, định hướng tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm ANHK đã được xác định mạnh mẽ, đây là chủ trương nhất quán của Nhà nước, phù hợp khuyến cáo của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế và là xu thế tất yếu trong công tác bảo đảm ANHK toàn cầu. Đồng thời, trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nhiều thế hệ các công nghệ mới liên tục được áp dụng, các thủ đoạn vượt qua các biện pháp an ninh phòng ngừa của đối tượng khủng bố cũng không ngừng được cải tiến. Trong khi đó, các yêu cầu về hạ tầng, trang bị, thiết bị bảo đảm ANHK và yêu cầu về ANHK khi thiết kế, cải tạo, xây dựng các công trình hàng không đã được quy định tại Thông tư 01 còn một số bất cập, hạn chế cần được sửa đổi, bổ sung để không ngừng nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm ANHK như: Quy định về các yêu cầu đối với tiêu chuẩn của công trình an ninh hàng không, trang thiết bị an ninh hàng không còn thiếu; hiện không quy định việc cấp phép cho trang thiết bị an ninh hàng không; chưa có đầy đủ danh mục trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí, công cụ hỗ trợ tối thiểu bảo đảm ANHK tại cảng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không; chưa có đủ yêu cầu đối với tiêu chuẩn về bố trí, sử dụng lực lượng kiểm soát ANHK.

### *2.3.4. Vấn đề nâng cao chất lượng đầu vào đối với lực lượng kiểm soát ANHK*

Qua kết quả công tác thử nghiệm ANHK các năm 2016, 2017 và một số vụ việc vi phạm ANHK thời gian gần đây nổi lên vấn đề năng lực chuyên môn và ý thức chấp hành kỷ luật của nhân viên kiểm soát ANHK cần được chấn chỉnh,



trong đó ngoài vấn đề về đào tạo, huấn luyện (đã được quy định ở Thông tư số 43/2017/TT-BGTVT), chất lượng đầu vào của lực lượng kiểm soát ANHK cần thiết phải được nâng lên.

Mặt khác, tại Thông báo kết luận số 182/TB-BGTVT ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo “Chú trọng công tác tuyển dụng người lao động, đặc biệt là đối tượng tuyển dụng làm công tác an ninh (ưu tiên các đối tượng trong lực lượng trong quân đội, công an đã giải ngũ); tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo, huấn luyện cán bộ, nhân viên hàng không để tiến tới xây dựng lực lượng cán bộ chính quy, chuyên nghiệp.

Do vậy về tuyển dụng đầu vào, cần sửa đổi, bổ sung theo hướng nâng cao tiêu chuẩn tuyển dụng, tiêu chuẩn để được bổ nhiệm các chức vụ quản lý các cấp của lực lượng kiểm soát ANHK.

### *2.3.5. Vấn đề thẩm định, chấp thuận chương trình ANHK hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam*

Theo quy định tại Thông tư số 01, nhà chức trách hàng không Việt Nam thẩm định, chấp thuận chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam bằng cách yêu cầu hãng hàng không trình chương trình an ninh lên Cục HKVN để thẩm định, chấp thuận, chưa có quy định về việc trình toàn bộ hay một số nội dung cần thiết trong chương trình an ninh, do vậy có nhiều hãng hàng không trình toàn bộ chương trình lên Cục HKVN.

Qua thời gian dài thực hiện cho thấy: Các biện pháp an ninh phòng ngừa trước chuyến bay đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, tổ bay, đồ vật phục vụ trên tàu bay, phần lớn đều thực hiện theo chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay chỉ có một số quy định, quy trình nằm trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài. Trên thực tế, nhà chức trách hàng không chỉ cần kiểm soát việc tuân thủ các yêu cầu của chương trình ANHK quốc gia (Việt Nam). Do vậy, đối với yêu cầu về thẩm định, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài cần quy định cụ thể hơn hiện nay theo hướng nêu rõ các yêu cầu đối với nội dung chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam, quá trình thẩm định, chấp thuận chỉ thẩm định các yêu cầu đó.

### *2.3.6. Vấn đề phê duyệt sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh, Quy chế ANHK*

Vấn đề sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh, Quy chế ANHK nói chung, theo quy định hiện hành, việc sửa đổi bổ sung và thủ tục phê duyệt, chấp thuận như đối với thủ tục đề nghị phê duyệt lần đầu. Trong khi đó, có nhiều thay đổi nhỏ dẫn đến Chương trình, Quy chế ANHK luôn phải được cập nhật, sửa đổi, bổ sung. Do vậy cần quy định cụ thể những nội dung nào cần phải được thẩm định, chấp thuận, phê duyệt của Cục HKVN khi sửa đổi, bổ sung (Ví dụ những sửa đổi về: quy trình, hạ tầng, trang thiết bị, lực lượng bảo đảm an ninh hàng không...); nội dung nào chỉ là những sửa đổi nhỏ, lẻ thì giao đơn vị tự sửa đổi và báo cáo Cục HKVN (Ví dụ những sửa đổi về: danh sách liên hệ của đơn vị, nội dung cập nhật theo quy định mới, các khuyến cáo trong hoạt động kiểm soát



chất lượng.....), Cục HKVN và các Cảng vụ khi kiểm tra, giám sát sẽ xem xét đánh giá, yêu cầu đơn vị sửa đổi, bổ sung đáp ứng tiêu chuẩn, quy định pháp luật.

### 2.3.7. Vấn đề quản lý rủi ro ANHK

Về công tác quản lý rủi ro ANHK quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT được xây dựng trong điều kiện mới tiếp cận hệ thống quản lý rủi ro ANHK theo hướng dẫn của ICAO (Doc 8973 bản sửa đổi, bổ sung lần thứ 8). Do mới tiếp cận nên về mặt nội hàm của một số khái niệm (quản lý rủi ro, đe dọa ANHK, đánh giá đe dọa, đánh giá rủi ro ANHK...), hệ thống tổ chức quản lý rủi ro chưa được cụ thể, rõ ràng, có lúc sử dụng thuật ngữ chưa được chính xác; Thông tư cũng chưa đưa ra nguyên tắc về phương pháp quản lý, đánh giá rủi ro, đe dọa ANHK.

Mặt khác, ICAO cũng đang có sự điều chỉnh quan điểm, cách tiếp cận về quản lý rủi ro, về đe dọa ANHK và một loạt các phương pháp, cách thức đánh giá đang được cải tiến, đổi mới (so sánh giữa Doc 8973/8 và 8973/9 về quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá có sự khác biệt lớn).

Do vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định về nguyên tắc quản lý, đánh giá rủi ro, đe dọa ANHK.

### 2.3.8. Công tác kiểm soát chất lượng ANHK, giám sát viên ANHK

Công tác kiểm soát chất lượng ANHK là bộ phận không thể thiếu để bảo đảm chất lượng công tác ANHK được duy trì thực hiện đúng tiêu chuẩn, hiệu quả, đồng thời có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình, bảo đảm sự cân bằng giữa an ninh, an toàn và chất lượng dịch vụ. Kiểm soát chất lượng ANHK là hệ thống đồng bộ đã được triển khai xây dựng, thực hiện đối với hoạt động hàng không Việt Nam từ lâu. Tuy nhiên hiện nay, qua đánh giá, công tác kiểm soát chất lượng còn gặp một số khó khăn, vướng mắc sau:

- Lực lượng giám sát viên ANHK còn mỏng:

+ Đội ngũ giám sát viên ANHK chuyên trách của nhà chức trách hàng không quá mỏng: Tại Cục HKVN có 13 người (giám sát thường xuyên 21 cảng hàng không, 6 hãng hàng không Việt Nam, 48 hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam, 30 điểm đến ngoài lãnh thổ Việt Nam, các cơ sở không lưu, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay và khoảng 50 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không). Các cảng hàng không cấp 2, cấp 3 không có giám sát viên ANHK chuyên trách.

+ Đội ngũ giám sát viên ANHK nội bộ của các doanh nghiệp còn mới, chưa có kinh nghiệm, số lượng hạn chế.

- Kinh phí thực hiện hoạt động kiểm soát chất lượng (kiểm tra, thử nghiệm, khảo sát, xác minh ANHK) còn hạn chế.

Do vậy, để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát tốt các hoạt động bảo đảm an ninh hàng không, cần sửa đổi, bổ sung một số quy định để nâng cao chất lượng công tác kiểm soát chất lượng ANHK theo hướng: Nâng cao tiêu chuẩn bổ nhiệm giám sát viên ANHK; phân loại lĩnh vực chuyên môn ANHK chuyên sâu, từ đó xây dựng tiêu chí cụ thể đối với giám sát viên ANHK theo từng lĩnh vực tương ứng; bổ nhiệm giám sát viên ANHK theo lĩnh vực chuyên môn và theo địa bàn chuyên trách; quy định trách nhiệm



của doanh nghiệp hàng không trong một số hoạt động kiểm soát chất lượng đặc thù của nhà chức trách hàng không; quy định tần suất đối với một số hoạt động kiểm soát chất lượng định kỳ.

#### *2.3.9. Niêm phong ANHK*

Theo quy định của Thông tư 45 đã bỏ việc niêm phong an ninh sau khi đã được kiểm tra an ninh hàng không đối với thùng đựng hàng hóa trước khi đưa lên tàu bay, tuy nhiên một số nội dung quy định của Thông tư số 01 chưa nhất quán với quy định này cần phải được rà soát sửa đổi, thống nhất (khoản 1, Điều 43 và khoản 4, Điều 53 chưa nhất quán).

#### *2.3.10. Quy trình, thủ tục kiểm tra ANHK đối với những người làm việc thường xuyên tại cảng hàng không*

Theo quy định tại Thông tư số 01 (bản chưa sửa đổi, bổ sung) thì mọi cán bộ, nhân viên các cơ quan, đơn vị khi vào khu vực hạn chế cảng hàng không đều phải qua kiểm tra an ninh hàng không giống nhau và như đối với hành khách (Điều 39, Điều 66). Quá trình triển khai thực hiện quy định trên (Cục HKVN có Công văn số 4642/CHK-ANHK ngày 01/11/2016 hướng dẫn cụ thể việc kiểm tra, soi chiếu đối với hành khách, hành lý xách tay, và nhân viên nội bộ, khách tham quan, đón tiễn), có ý kiến của Công an cửa khẩu đề nghị không thực hiện kiểm tra an ninh trước khi vào khu vực hạn chế đối với Công an cửa khẩu như các đối tượng khác. Xem xét, tiếp thu ý kiến trên, tại Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT, Bộ Giao thông vận tải đã có quy định riêng đối với Công an cửa khẩu (*Lực lượng Công an cửa khẩu đang làm nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay khi đi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không không phải cởi áo khoác, mũ, giày, dép, thắt lưng; người, tài liệu, phương tiện nghiệp vụ khi đi qua cổng từ không phải thực hiện kiểm tra trực quan*).

Tuy nhiên, về vấn đề này vẫn còn nhiều ý kiến trái chiều: Nhiều cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không đề nghị giữ nguyên quy định như Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT (các đối tượng đều phải được kiểm tra như nhau); phía Công an cửa khẩu lại có ý kiến đề nghị nên nói lỏng việc kiểm tra đối với Công an cửa khẩu hơn nữa.

Mặt khác, làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, ngoài Công an cửa khẩu, còn nhiều cơ quan, đơn vị nhà nước khác, việc phân biệt đối xử riêng đối với Công an cửa khẩu có thể tạo ra phản ứng không đồng thuận.

#### *2.3.11. Làm rõ khu vực hạn chế sử dụng chung, khu vực hạn chế sử dụng riêng tại cảng hàng không*

Hiện nay, theo quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT, tại các khu vực hạn chế sử dụng riêng, các doanh nghiệp có thể cấp, sử dụng thẻ kiểm soát an ninh nội bộ, tuy nhiên, chưa có tiêu chí để phân biệt khu vực hạn chế sử dụng riêng và khu vực hạn chế khác dẫn đến còn có bất đồng trong cách hiểu, việc áp dụng thực tế còn vướng mắc.

Mặt khác, một số khu vực hạn chế có hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước như Công an, hải quan, ngoài việc chịu sự điều chỉnh của Thông tư này, còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp chuyên ngành liên quan. Do vậy, để tránh việc bất đồng trong áp dụng quy định, cần thiết phải quy



định tiêu chí phân biệt khu vực hạn chế sử dụng riêng, khu vực hạn chế sử dụng chung.

### *2.3.12. Quy định nguyên tắc bảo đảm ANHK đối với các cảng hàng không do quân đội quản lý có hoạt động hàng không dân dụng*

Hiện nay, Cảng hàng không Gia Lâm và Cảng Hàng không Vũng Tàu do Quân đội quản lý, trực tiếp do hai doanh nghiệp là Công ty Trực thăng miền Bắc và Công ty Trực thăng miền Nam quản lý, khai thác dân dụng, các hoạt động hàng không dân dụng này phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn của hàng không dân dụng, nhưng đồng thời cũng phải tuân thủ các quy định về an ninh, quốc phòng, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng.

Để bảo đảm sự quản lý nhà nước nói chung được chặt chẽ, đồng thời không cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, cần thiết phải quy định một số nguyên tắc yêu cầu về tiêu chuẩn dân dụng đối với các trường hợp nêu trên.

### *2.3.13. Việc đón, tiễn trong thời gian đang áp dụng biện pháp kiểm soát ANHK tăng cường*

Theo quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT, trong thời gian áp dụng biện pháp kiểm soát ANHK tăng cường không giải quyết cho các trường hợp đón, tiễn khách tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, kể cả chuyến bay có chở khách là các đ/c cấp Bộ trưởng, Ủy viên Trung ương Đảng ....

Trên thực tế, một số chuyến bay chuyên cơ, hoặc chuyến bay có chở khách là các đ/c cấp Bộ trưởng, Ủy viên Trung ương Đảng ... trong thời gian áp dụng biện pháp kiểm soát ANHK tăng cường thì việc đón, tiễn trong các khu vực hạn chế vẫn cần thiết và không làm tăng nguy cơ rủi ro ANHK.

Do vậy cần sửa đổi quy định về đón, tiễn khách ưu tiên trong thời gian áp dụng biện pháp kiểm soát ANHK tăng cường.

### *2.3.14. Về giấy tờ hành khách sử dụng đi tàu bay*

Giấy tờ được phép sử dụng đi tàu bay hiện nay là nhiều chủng loại, khó kiểm soát, không thuận tiện trong công tác phối hợp giữa lực lượng kiểm soát ANHK với các cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng khi giám sát, phát hiện các đối tượng phạm tội, đối tượng nguy cơ cao; không phù hợp với định hướng của Chính phủ và Bộ Công an trong thống nhất quản lý giữ liệu quốc gia về dân cư; đồng thời, quy định tại Thông tư 01/2016/TT-BGTVT có một số loại giấy tờ được sử dụng đi tàu bay chưa nhất quán với các quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan.

### *2.3.15. Về thẻ kiểm soát ANHK cấp cho người làm việc tại khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay có hợp đồng lao động thời vụ, ngắn hạn*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Thông tư 01, nhân viên làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay phải có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay mới được xem xét cấp thẻ kiểm soát ANHK có giá trị sử dụng dài hạn. Như vậy, ít nhất người lao động phải có hợp đồng lao động giá trị 12 tháng trở lên mới được xem



xét cấp thẻ kiểm soát ANHK có giá trị sử dụng dài hạn, số còn lại được xem xét cấp thẻ có giá trị sử dụng ngắn hạn.

Mặt khác, giá trị sử dụng của thẻ kiểm soát ANHK ngắn hạn tối đa là 10 ngày, như vậy đối tượng không đủ điều kiện xin cấp thẻ dài hạn nêu trên, nếu xin cấp thẻ ngắn hạn thì sẽ phải liên tục xin cấp thẻ, gây tốn kém và mất thời gian.

Do đó, quy định này cần được sửa đổi.

*2.3.16. Về bảo đảm ANHK đối với cơ sở xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay ngoài cảng hàng không, sân bay*

Trên thực tế hiện nay, việc kiểm tra, soi chiếu ANHK để đưa lên bay đối với hàng hóa ở ngoài cảng hàng không đã được triển khai thực hiện (Các cơ sở của Công ty ALS, Công ty Sơn Sơn, Khách sạn Time Sque). Tuy nhiên, trong Thông tư 01 chưa có hướng dẫn cụ thể về công tác bảo đảm ANHK trong các trường hợp này. Do vậy, trong quá trình thực hiện còn một số khó khăn nhất định cần được tháo gỡ.

#### **2.4. Đề xuất nội dung mới hoặc sửa đổi**

Trên cơ sở đó, Cục HKVN đề xuất định hướng xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT có các nội dung mới hoặc sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung đầy đủ quy định về tổ chức lực lượng kiểm soát ANHK có hệ thống tổ chức độc lập, hoạt động thống nhất, chuyên nghiệp, hiệu quả, đủ năng lực thực hiện các biện pháp bảo đảm ANHK đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp pháp luật Việt Nam:

+ Quy định những người nào là nhân viên kiểm soát ANHK và cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của nhân viên kiểm soát ANHK (Điều 95, 96).

+ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quan hệ phối hợp của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK (Điều 127).

+ Quy định tiêu chuẩn của đơn vị và tiêu chuẩn một số chức danh chủ chốt của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK (Điều 97, 127).

+ Quy định cụ thể các loại dịch vụ bảo đảm ANHK (Điều 127).

+ Quy định nguyên tắc mối quan hệ cấp trên, cấp dưới, mối quan hệ phối hợp trong lực lượng kiểm soát ANHK (Điều 96).

- Cần thiết lập một ủy ban an ninh hàng không của cảng hàng không để xem xét, đánh giá hiệu quả của các biện pháp an ninh phòng ngừa, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tại cảng hàng không trong công tác bảo đảm ANHK và khuyến cáo đối với các biện pháp kiểm soát ANHK đang áp dụng (Điều 118).

- Cần phân định về trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không và đơn vị cung cấp dịch vụ ANHK (lực lượng kiểm soát ANHK) cũng như mối quan hệ của hai chủ thể này và các chủ thể có liên quan khác trong bảo đảm ANHK (các Điều từ 122 đến 131 và một số điều liên quan khác).

- Cần quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đầu tư mua sắm, quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình, phương tiện, trang thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo đảm ANHK (các Điều từ 122 đến 131; các Điều từ 100 đến Điều 105 và một số điều liên quan khác).



- Sửa đổi đề cương chương trình ANHK cảng hàng không tại Phụ lục số 01, bổ sung đề cương quy chế ANHK của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm ANHK (Phụ lục số III).
- Quy định về các yêu cầu đối với tiêu chuẩn của công trình an ninh hàng không, trang thiết bị an ninh hàng không và cấp phép cho trang thiết bị an ninh hàng không; danh mục trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí, công cụ hỗ trợ tối thiểu bảo đảm ANHK tại cảng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không (các Điều từ 100 đến Điều 105 và một số điều liên quan khác).
- Sửa đổi quy định về tuyển dụng nhân viên kiểm soát ANHK, giám sát viên an ninh hàng không theo hướng nâng cao yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức (Điều 96, 114 và một số điều liên quan khác).
- Sửa đổi quy định về chấp thuận chương trình ANHK hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam (Điều 4, 7).
- Sửa đổi quy định về việc thẩm định, chấp thuận sửa đổi, bổ sung Chương trình ANHK, Quy chế ANHK (Điều 9).
- Sửa đổi quy định về quản lý rủi ro ANHK (Điều 117 và một số điều liên quan khác); kiểm soát chất lượng ANHK (Điều 106 đến Điều 116 và một số điều liên quan khác).
- Thống nhất quy định về niêm phong an ninh đối với thùng đựng hàng hóa (Điều 43, 53).
- Thống nhất quy định về kiểm tra an ninh đối với những người làm việc thường xuyên tại cảng hàng không (Điều 39).
- Làm rõ khu vực hạn chế sử dụng chung, khu vực hạn chế sử dụng riêng tại cảng hàng không (Điều 3, 34).
- Quy định nguyên tắc bảo đảm ANHK đối với các cảng hàng không do quân đội quản lý có hoạt động hàng không dân dụng (Điều 78).
- Quy định về bảo đảm ANHK đối với cơ sở xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay ngoài cảng hàng không, sân bay (Điều 62).
- Sửa đổi quy định về đón, tiễn khách ưu tiên trong thời gian áp dụng biện pháp kiểm soát ANHK tăng cường (Điều 80, 81).
- Sửa đổi quy định về giấy tờ sử dụng đi tàu bay (Phụ lục số XIII và một số điều liên quan khác).
- Sửa đổi quy định về thẻ, giấy phép kiểm soát ANHK (Điều 12, 13, 14, 15, 16 và một số điều liên quan khác).
- Cập nhật các tiêu chuẩn, hướng dẫn của ICAO (Điều 116, 117, 118, 119 và một số điều liên quan khác).
- rà soát, phát hiện các lỗi kỹ thuật, chính tả, lỗi trình bày không rõ ràng.

## **II. Bố cục và nội dung dự thảo Thông tư**

Dự thảo Đề cương chi tiết Thông tư thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT có bố cục như sau: phần căn cứ pháp lý, nội dung thông tư (bao gồm 133 điều và 26 phụ lục), chi tiết như sau:

Phần căn cứ pháp lý như sau:



*Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số ... thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.*

## Chương I – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không

Điều 5. Thủ tục phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay

Điều 6. Thủ tục phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam

Điều 7. Thủ tục chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài

Điều 8. Thủ tục phê duyệt Quy chế an ninh hàng không của đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không

Điều 10. Kiểm soát tài liệu an ninh hàng không

## Chương II - BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH PHÒNG NGỪA

Mục 1. HỆ THỐNG THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG VÀO VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ

Điều 11. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

Điều 12. Thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

Điều 13. Thời hạn, hiệu lực và mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

Điều 14. Nội dung của thẻ kiểm soát an ninh hàng không

Điều 15. Nội dung của giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

Điều 16. Đối tượng, điều kiện, phạm vi cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ phục vụ thi công tại nhà ga, sân bay

Điều 17. Kiểm tra án tích



- Điều 18. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không mất giá trị sử dụng và cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không
- Điều 19. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam
- Điều 20. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam
- Điều 21. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không
- Điều 22. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn Cảng vụ hàng không
- Điều 23. Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không
- Điều 24. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của người khai thác cảng hàng không, sân bay
- Điều 25. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của người khai thác cảng hàng không, sân bay
- Điều 26. Thủ tục cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay
- Điều 27. Thủ tục cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay
- Điều 28. Thủ tục cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn
- Điều 29. Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế
- Điều 30. Quản lý, lưu trữ hồ sơ thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không
- Điều 31. Thẩm định và giải trình trong việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay
- Điều 32. Đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp và quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay
- Điều 33. Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

## MỤC 2. KIỂM SOÁT AN NINH KHU VỰC HẠN CHẾ VÀ KHU VỰC CÔNG CỘNG

- Điều 34. Thiết lập khu vực hạn chế
- Điều 35. Quy định về việc ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế
- Điều 36. Quy định về việc mang vật phẩm nguy hiểm vào khu vực hạn chế
- Điều 37. Điềm kiểm tra an ninh hàng không tại cổng, cửa, lối đi giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế
- Điều 38. Giám sát an ninh, tuần tra, canh gác tại khu vực hạn chế
- Điều 39. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật khi vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế mà không phải hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi và đồ vật đưa lên tàu bay



- Điều 40. Biển báo, chỉ dẫn tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay  
Điều 41. Kiểm tra, giám sát an ninh khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay  
Điều 42. Bảo đảm an ninh khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay

### Mục 3. KIỂM TRA, GIÁM SÁT AN NINH TRƯỚC CHUYỂN BAY VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

- Điều 43. Niêm phong an ninh  
Điều 44. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hành khách và hành lý xách tay xuất phát  
Điều 45. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách và hành lý xách tay quá cảnh, nối chuyến, tạm dừng nội địa  
Điều 46. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với thành viên tổ bay  
Điều 47. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi  
Điều 48. Giám sát an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi  
Điều 49. Vận chuyển đồng bộ hành khách và hành lý  
Điều 50. Lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận  
Điều 51. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự  
Điều 52. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với thành viên tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ  
Điều 53. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi vận chuyển trên tàu bay tại cảng hàng không, sân bay  
Điều 54. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi tại cơ sở nằm ngoài cảng hàng không  
Điều 55. Kiểm tra an ninh hàng không đối với vật phẩm đặc biệt  
Điều 56. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn  
Điều 57. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ vật phục vụ trên tàu bay  
Điều 58. Bảo đảm an ninh hàng không đối với nhiên liệu cho tàu bay  
Điều 59. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách là bị can, bị cáo, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã  
Điều 60. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị từ chối nhập cảnh  
Điều 61. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách bị mất khả năng làm chủ hành vi  
Điều 62. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay ngoài cảng hàng không, sân bay  
Điều 63. Quy trình xử lý hành khách gây rối  
Điều 64. Từ chối, cấm vận chuyển vì lý do an ninh; kiểm tra trực quan bắt buộc đối với hành khách  
Điều 65. Tái kiểm tra an ninh hàng không  
Điều 66. Biện pháp xử lý vật phẩm nguy hiểm trong quá trình kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi  
Điều 67. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khu vực cách ly



#### Mục 4. BẢO ĐẢM AN NINH CHO TÀU BAY VẬN CHUYỂN

Điều 68. Bảo vệ tàu bay tại sân đỗ tàu bay

Điều 69. Kiểm tra an ninh hàng không, lục soát an ninh tàu bay

Điều 70. Bảo vệ buồng lái

Điều 71. Bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay

Điều 72. Vận chuyển hành khách là bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã

Điều 73. Vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ và các vật phẩm nguy hiểm khác trên tàu bay

Điều 74. Thủ tục, trình tự tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, bàn giao vũ khí, công cụ hỗ trợ

Điều 75. Mang chất lỏng, chất đặc sánh, dung dịch xịt (chất lỏng) theo người và hành lý xách tay đối với chuyến bay quốc tế

#### Mục 5. BẢO ĐẢM AN NINH CHO HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Điều 76. Bảo đảm an ninh đối với tàu bay hoạt động hàng không chung

Điều 77. Kiểm tra, giám sát an ninh người, đồ vật đưa lên chuyến bay hoạt động hàng không chung

Điều 78. Bảo đảm an ninh hàng không tại sân bay chuyên dùng

#### Mục 6. BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG TĂNG CƯỜNG

Điều 79. Thu thập thông tin về nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không

Điều 80. Phạm vi áp dụng kiểm soát an ninh hàng không tăng cường

Điều 81. Các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường

#### Mục 7. CUNG CẤP, SỬ DỤNG THÔNG TIN VỀ HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA VÀ AN NINH HỆ THỐNG THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG

Điều 82. Nguyên tắc sử dụng, cung cấp thông tin về nhân thân hành khách, người gửi, người nhận hàng hóa

Điều 83. Bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không

#### Mục 8. KIỂM SOÁT AN NINH NỘI BỘ

Điều 84. Nguyên tắc thực hiện kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không

Điều 85. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác kiểm soát an ninh nội bộ

### Chương III - XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG VÀ ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

#### Mục 1. XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 86. Nguyên tắc xử lý vi phạm



Điều 87. Trách nhiệm, quy trình xử lý đối với vụ việc vi phạm an ninh hàng không

Điều 88. Giảng bình, rút kinh nghiệm vụ việc vi phạm

## MỤC 2. ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP

Điều 89. Quy định chung

Điều 90. Kế hoạch khẩn nguy

Điều 91. Quản lý thông tin và hợp báo

Điều 92. Chế độ báo cáo về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp

Điều 93. Thông báo cho quốc gia liên quan và báo cáo cho ICAO

Điều 94. Diễn tập đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp

## Chương IV - HỆ THỐNG TỔ CHỨC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA NGÀNH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 95. Các cơ quan, đơn vị chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng

Điều 96. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng và tiêu chuẩn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

Điều 97. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh hàng không; hãng hàng không Việt Nam; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung

Điều 98. Cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

Điều 99. Đánh giá chất lượng nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

## Chương V - CÔNG TRÌNH, TRANG BỊ, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VÀ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ PHỤC VỤ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 100. Yêu cầu an ninh đối với việc thiết kế, xây dựng cảng hàng không, sân bay, công trình hàng không

Điều 101. Các công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không

Điều 102. Thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không

Điều 103. Quy định về khai thác, bảo trì thiết bị, phương tiện an ninh hàng không

Điều 104. Thủ tục cấp phép trang, thiết bị an ninh hàng không

Điều 105. Quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

## Chương VI - KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 106. Hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không

Điều 107. Yêu cầu đối với hoạt động kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không

Điều 108. Thử nghiệm an ninh hàng không



- Điều 109. Kiểm tra an ninh hàng không  
Điều 110. Khảo sát an ninh hàng không  
Điều 111. Đánh giá an ninh hàng không  
Điều 112. Điều tra an ninh hàng không  
Điều 113. Khắc phục sơ hở, thiếu sót qua kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra  
Điều 114. Quy định về Giám sát viên an ninh hàng không, Giám sát viên an ninh nội bộ và người được cấp Thẻ, Giấy phép của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia  
Điều 115. Công tác báo cáo, thống kê an ninh hàng không  
Điều 116. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không

#### Chương VII - QUẢN LÝ RỦI RO AN NINH HÀNG KHÔNG

- Điều 117. Quản lý rủi ro về an ninh hàng không

#### Chương VIII- ĐIỀU PHỐI VÀ TRUYỀN THÔNG

- Điều 118. Ủy ban An ninh hàng không cảng hàng không  
Điều 119. Hợp tác và trao đổi thông tin về an ninh hàng không với quốc gia khác  
Điều 120. Trao đổi thông tin với ICAO  
Điều 121. Quản lý thông tin truyền thông

#### Chương IX - TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

- Điều 122. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam  
Điều 123. Trách nhiệm phối hợp của Cục Hàng không Việt Nam  
Điều 124. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không  
Điều 125. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay  
Điều 126. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không  
Điều 127. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không  
Điều 128. Trách nhiệm của hãng hàng không, người khai thác tàu bay  
Điều 129. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý hoạt động bay  
Điều 130. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan  
Điều 131. Kinh phí bảo đảm an ninh hàng không

#### Chương X - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Điều 132. Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này  
Điều 133. Hiệu lực thi hành

PHỤ LỤC I - ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

PHỤ LỤC II - ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG, NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY VIỆT NAM



PHỤ LỤC III - ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG  
PHỤ LỤC IV - ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG LƯU  
PHỤ LỤC V - ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY; DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG TÀU BAY, THIẾT BỊ TÀU BAY; DOANH NGHIỆP XỬ LÝ HÀNG HÓA, BƯU GỬI ĐỂ ĐƯA LÊN TÀU BAY  
PHỤ LỤC VI - MẪU CÔNG VĂN  
PHỤ LỤC VII - DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN  
PHỤ LỤC VIII - MẪU TỜ KHAI CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN  
PHỤ LỤC XV - MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN/ NGẮN HẠN  
PHỤ LỤC X - MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG NGẮN HẠN  
PHỤ LỤC XI - THÔNG BÁO MẤT THẺ, GIẤY PHÉP  
PHỤ LỤC XII - CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI HÀNG RÀO, CÔNG, CỬA, RÀO CHẮN, HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG, CA-ME-RA GIÁM SÁT, VỌNG GÁC, ĐƯỜNG TUẦN TRA TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG  
PHỤ LỤC XIII - NIÊM PHONG AN NINH HÀNG KHÔNG  
PHỤ LỤC XIV - GIẤY TỜ VỀ NHÂN THÂN, VÉ, THẺ LÊN TÀU BAY  
PHỤ LỤC XV - TỜ KHAI MANG SÚNG THEO NGƯỜI LÊN TÀU BAY  
PHỤ LỤC XVI - TỜ KHAI KÝ GỬI SÚNG, ĐẠN TRÊN CHUYẾN BAY  
PHỤ LỤC XVII - CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG TĂNG CƯỜNG TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG CẤP ĐỘ  
PHỤ LỤC XVIII - KIỂM TRA ĐỐI VỚI MÁY SOI TIA X  
PHỤ LỤC XIX - KIỂM TRA ĐỐI VỚI CÔNG TỪ  
PHỤ LỤC XX - KIỂM TRA ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT HIỆN KIM LOẠI CẦM TAY  
PHỤ LỤC XXI - MẪU THẺ GIÁM SÁT VIÊN AN NINH HÀNG KHÔNG  
PHỤ LỤC XXII - BÁO CÁO SƠ BỘ VỀ HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP  
PHỤ LỤC XXIII - BÁO CÁO CHÍNH THỨC VỀ HÀNH VI CAN THIỆP BẤT HỢP PHÁP  
PHỤ LỤC XXIV - CÁC MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG  
PHỤ LỤC XXV - TÚI ĐỰNG CHẤT LỎNG ĐƯỢC PHÉP MANG THEO NGƯỜI, HÀNH LÝ XÁCH TAY TRÊN CHUYẾN BAY QUỐC TẾ  
PHỤ LỤC XXVI - MẪU TỜ KHAI MẠNG ĐỒ VẬT, PHƯƠNG TIỆN VÀO KHU VỰC HẠN CHẾ

### **III. Kiến nghị**

Hiện trong Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT đang quy định một số thủ tục hành chính, các thủ tục này thuộc 02 lĩnh vực:



(1) Thủ tục phê duyệt, chấp thuận Chương trình, quy chế ANHK của các doanh nghiệp hàng không – Thủ tục này được Luật giao tại khoản 4, Điều 196.

(2) Thủ tục cấp thẻ, giấy phép kiểm soát ANHK. Thủ tục cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

(3) Khi xây dựng thông tư thay thế Thông tư số 01/2016, theo đề xuất về nội dung mới hoặc nội dung sửa đổi nêu trên, dự kiến Thông tư thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT có thêm thủ tục cấp phép trang, thiết bị ANHK.

Theo quy định tại điểm b, khoản 2a, Điều 9 - Luật Hàng không Việt Nam, Nhà chức trách hàng không có nhiệm vụ và quyền hạn “*cấp, phê chuẩn, công nhận giấy phép, giấy chứng nhận, năng định, tài liệu khai thác chuyên ngành hàng không dân dụng*”;

Như vậy, đối với thủ tục (2) và thủ tục (3) Cục HKVN kiến nghị áp dụng quy định tại điểm b, khoản 2a, Điều 9 - Luật Hàng không Việt Nam để đưa vào thông tư thay thế Thông tư 01/2016/TT-BGTVT. Trường hợp không áp dụng được Điều 9, Cục HKVN đề nghị Bộ GTVT cho ý kiến chỉ đạo đối với việc quy định thủ tục hành chính (2) và (3) nêu trên khi xây dựng Thông tư.

Trên đây là Dự thảo Đề cương chi tiết Thông tư thay thế Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, Cục HKVN kính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt. *nh*

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ Vận tải, Vụ Pháp chế - Bộ GTVT (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- VPTT Ủy ban ANHK;
- Tcty Cảng HKVN-CTCP;
- Tcty Hàng không Việt Nam-CTCP;
- Tcty Quản lý bay VN;
- Các CVHK miền Bắc, Trung, Nam;
- Các Phòng: PC, QLC, TTHK;
- Lưu:VT, ANHK (Tuan.15b). *mm*



**Đình Việt Sơn**



